

Bản án số: 175/2019/DS-PT.

Ngày 17- 10- 2019.

V/v “tranh chấp hợp đồng vay”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Ông Đặng Văn Lộc.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLPT - DS ngày 27 tháng 9 năm 2019, về “tranh chấp hợp đồng vay”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS - ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Thị C, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1957 (có mặt).

2. Trần Văn H, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn H: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1957, theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2019 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng theo yêu cầu của nguyên đơn:

1. Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1958 (có mặt).

2. Nguyễn Thị M, sinh năm 1964 (vắng mặt).

3. Phạm Thị Ph, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp SB, xã P, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

4. Nguyễn Thị D, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị C trình bày:

Vào ngày 20/12/2016 dương lịch, chị C cho bà L vay số tiền 58.000.000 đồng. Khi vay thì hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không có làm giấy tờ nhưng có bà Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị M chứng kiến và hai bên không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng, sau khi vay đến tháng 3/2017, bà L có trả cho chị C số tiền 30.000.000 đồng, khi bà L trả tiền cho chị C hai bên không có làm giấy tờ, biên nhận gì nhưng có bà Nguyễn Thị Ch chứng kiến. Hiện bà L còn nợ lại chị C số tiền 28.000.000 đồng.

Tiếp đến ngày 25/02/2017 dương lịch, chị C có cho bà L vay số tiền 65.000.000 đồng. Khi vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không có làm giấy tờ nhưng có bà Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị M và bà Phạm Thị Ph chứng kiến, hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 08 tháng, sau khi vay thì phía bà L chưa trả số tiền nào cho chị C. Hiện bà L còn nợ lại chị C số tiền là 65.000.000 đồng.

Chị C yêu cầu bà L và chồng là ông H có trách nhiệm liên đới trả cho chị C số tiền tổng cộng là 93.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Trần Văn H có bà Nguyễn Thị Ngọc L làm đại diện trình bày:

Bà L và ông H không thừa nhận lời trình bày và yêu cầu của chị C. Bà L và ông H cho rằng từ trước đến nay không có vay, mượn số tiền nào của chị C. Theo bà L và ông H thì việc người làm chứng theo yêu cầu của chị C trình bày là không

đúng sự thật vì bà Ch, chị D cũng là nguyên đơn khởi kiện bà L và ông H trong vụ án khác tranh chấp về hợp đồng góp hụi, còn phía chị M là quan hệ bà con chú bác với chị C nên việc làm chứng của những người này không khách quan.

Nay bà L và ông H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C. Ngoài ra, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

- Người làm chứng theo yêu cầu của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Bà Ch không có quan hệ bà con họ hàng với chị C và bà L, ông H. Bà Ch xác định trước đây bà có chứng kiến chị C cho bà L vay tiền nhưng không rõ số tiền cụ thể bao nhiêu. Do lâu nên bà không nhớ rõ thời gian chị C cho bà L vay tiền.

Ngày 27/3/2017 âm lịch bà Ch làm đầu thảo hụi có bà L là hụi viên hốt hụi, sau khi khấu trừ phần hụi hốt thì bà L còn dư số tiền 30.000.000 đồng và bà L có nhờ bà Ch trả cho chị C số tiền vay là 30.000.000 đồng.

Bà Ch có ý kiến, bà L còn nợ tiền vay của chị C là bao nhiêu thì phải có trách nhiệm trả cho chị C.

2. Chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị D không có quan hệ bà con họ hàng gì với chị C và bà L, ông H. Chị D xác định trước đây là chị làm đầu thảo hụi có chị C, bà L tham gia là hụi viên.

Nên ngày 20/12/2016 và ngày 25/02/2017 chị D có chứng kiến chị C cho bà L vay số tiền tại nhà của bà Nguyễn Thị Ch (5 T), chị D chỉ thấy chị C thỏa thuận và giao trực tiếp tiền cho bà L vay, nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì chị D không biết.

3. Bà Phạm Thị Ph trình bày:

Trước đây bà Ph làm đầu thảo hụi có chị C tham gia là hụi viên. Sau đó, chị C hốt một chân hụi vào ngày 25/02/2017 để cho bà L vay tiền. Việc vay tiền giữa các bên thì bà Ph không có chứng kiến mà chỉ nghe chị C nói là hốt hụi của bà Ph để cho bà L vay và cũng không biết số tiền vay cụ thể là bao nhiêu.

4. Bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà M có quan hệ bà con chú bác với chị C, còn phía bà L, ông H, bà M không có bà con.

Trước đây tại nhà bà Ch khai hụi bà M có chứng kiến chị C cho bà L vay tiền nhưng không biết số tiền cụ thể bao nhiêu. Do thời gian lâu nên bà M không

nhớ rõ cụ thể. Ngoài bà M chứng kiến việc vay tiền giữa chị C với bà L ra thì còn có bà Ch, chị D chứng kiến.

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST, ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình. Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị C. Buộc phía bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Trần Văn H có bà Nguyễn Thị Ngọc L làm đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay gốc là 93.000.000 đồng (chín mươi ba triệu đồng), không trả lãi suất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền, nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/8/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị C về việc yêu cầu bà L và ông H trả chị C 93.000.000 đồng vốn, không tính lãi suất.

Ngày 16/8/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình kháng nghị: Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị C.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Trần Văn H vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên vẫn bảo lưu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình.

Chị C không chấp nhận với kháng cáo của bà L, ông H và không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự có mặt đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Trần Văn H; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình. Sửa án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của chị Huỳnh Thị C yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Trần Văn H trả cho chị C số tiền 93.000.000 đồng. Chị C phải nộp 4.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà L, ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục:* Ngày 05/8/2019 bà L, ông H kháng cáo và ngày 16/8/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình kháng nghị. Kháng cáo của bà L, ông H và kháng nghị của Viện kiểm sát còn trong thời hạn luật định. Bà L, ông H thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo của bà L, ông H và kháng nghị của Viện kiểm sát được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Trần Văn H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đối với việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị C đòi bà L và ông H trả cho chị C số tiền 93.000.000 đồng vốn là có cơ sở chấp nhận. Vì, chị C cho rằng ngày 20/12/2016 chị có cho bà L vay số tiền 58.000.000 đồng, khi vay hai bên không có lập biên nhận mà chỉ thỏa thuận miệng, đến tháng 3/2017 bà L trả cho chị C được 30.000.000 đồng, còn lại 28.000.000 đồng chưa trả. Đến ngày 25/02/2017 chị cho bà L vay tiếp số tiền 65.000.000 đồng, khi vay hai bên không có lập biên nhận mà chỉ thỏa thuận miệng. Tổng cộng hai lần vay bà L và ông H còn nợ chị C 93.000.000 đồng. Khi cho vay có bà Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị M, bà Phạm Thị Ph chứng kiến. Bà L, ông H không thừa nhận có nợ chị C 93.000.000 đồng. Lời khai của những người làm chứng do chị C cung cấp khai nhận có chứng kiến việc chị C cho bà L vay tiền, nhưng không rõ thời gian vay, không rõ số tiền cụ thể bao nhiêu. Cụ thể bà Ph trình bày bà chỉ nghe chị C nói cho bà L vay chứ không trực tiếp chứng kiến, còn bà M xác định tại nhà bà Ch bà có chứng kiến việc chị C cho bà L vay tiền nhưng không biết số tiền cụ thể bao nhiêu, không nhớ rõ thời gian, chị D xác định ngày 20/12/2016 và ngày 25/02/2017 chị có chứng kiến chị C cho bà L vay tại nhà bà Ch nhưng không biết số tiền cụ thể bao nhiêu, bà Ph xác định khi chị C hốt hụi có cho bà L vay tiền nhưng không biết bao nhiêu. Như vậy, các người làm chứng không biết chị C cho bà L vay số tiền cụ thể bao nhiêu? Có người chỉ nghe nói lại chị C có cho bà L vay nên không đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C đòi bà L và ông H trả 93.000.000 đồng vốn.

[2] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Trần Văn H, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình. Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị C không được Tòa án chấp nhận, nên buộc chị C nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch là $93.000.000đ \times 5\% = 4.650.000đ$.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Trần Văn H. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2019/DS-ST, ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 91, khoản 4 Điều 94, khoản 5 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 465 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị C đòi bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Trần Văn H liên đới trả chị C số tiền vay gốc là 93.000.000 đồng (chín mươi ba triệu).

2. Về án phí:

2.1. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Huỳnh Thị C nộp 4.650.000 đồng, được khấu trừ vào 2.325.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Cúc đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Tam Bình theo biên lai thu số 0010815 ngày 05/4/2018. Chị C còn phải tiếp tục nộp số tiền 2.325.000 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn).

2.2. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA TAT: 01b;
- TAND H Tam Bình: 01b;
- THADS H Tam Bình: 02b;
- Đ/sự: 03b;
- Lưu: 06 b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường

